TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2023
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo

Bà Nguyễn Thị Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2022/QĐXX-ST ngày 06/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T. Sinh năm 1994. Địa chỉ: xóm Nguyễn Tạo, xã GS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm Phú Nhuận 2, xã T Ngọc, huyện T C, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GS huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/01/2016. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Khoảng tháng 8 năm 2018 anh

Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó trở đi vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong mọi lời nói dần dân không còn nói chuyện, hỏi thăm hay có trách nhiệm với nhau. Khoảng 02 năm trở lại đây anh T cũng không gửi tiền về chăm lo cho con, gia đình bên chồng không thấy hiểu, thông cảm nên T cảm vợ chồng càng ngày càng xa cách. Chị T thấy T cảm không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn MA, sinh ngày 03/10/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Công văn đề nghị gia đình anh T cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại biên bản xác minh ngày 02/12/2022 bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh T cho biết: Năm 2016 anh T và chị T kết hôn. Năm 2018 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi đi xuất khẩu tại Đài Loan, anh T thường xuyên liên lạc với bà bằng điện thoại, zalo…quá trình liên lạc về bà có thông báo cho anh T biết việc chị T làm đơn ly hôn, thông báo việc Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp địa chỉ ở nước ngoài thì anh T không cung cấp vì vậy, bà không biết địa chỉ nơi cư trú, làm việc của anh T để cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh không có ý kiến về giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng; về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại xóm Phú Nhuận 2, xã T Ngọc,

huyện T C, tỉnh Nghệ An; anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh T), đề nghị bà T thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa, tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài và yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nhưng bà T không cung cấp được. Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 1288/QLXNC-P5 ngày 13/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an: Anh Nguyễn Văn T có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 17/8/2018..... hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo tài liệu liên quan, biên bản xác minh tại nhà bà Nguyễn Thị T thì anh Nguyễn Văn T tại xóm Phú Nhuận 2, xã T Ngọc, huyện T C, tỉnh Nghệ An đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết các Quyết định để triệu tập hợp lệ hai lần cho bị đơn anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, Chị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã GS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/01/2016. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Khoảng tháng 8 năm 2018 anh Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó trở đi vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, dần dần không còn nói chuyện, hỏi thăm hay có trách nhiệm với nhau. Khoảng 02 năm trở lại đây anh T cũng không gửi tiền về chăm lo cho con, gia đình bên chồng không thấy hiếu, thông cảm nên T cảm vợ chồng càng ngày càng xa cách. Vì vậy chị T là đơn yêu

cầu Tòa án cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Thông qua gia đình anh Thắng có ý kiến chưa muốn ly hôn, nhưng không gửi tài liệu gì cho Tòa án. Xét thấy T cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị T, anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn MA, sinh ngày 03/10/2017, hiện cháu đang ở với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T hiện đang ở nước ngoài và không có ý kiến, tài liệu gì gửi Tòa án về việc nuôi con và đóng góp nuôi con chung. Vì vậy, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu MA. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Hiện tại chị Trần Thị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn MA, sinh ngày 03/10/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu MA đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu và anh Nguyễn Văn T cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012228 ngày 19/10/2022.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã GS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Cường